

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

NHẬN DIỆN NHỮNG NẮC TRỞNG CƠ BẢN
CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨCNGUYỄN VĂN TRÌNH^(*) - NGUYỄN SÔN HOA^(**)

Kinh tế tri thức là một khái niệm mới. Khái niệm này là nhân lõi của một hệ phạm trù năng hình thành những phát triển rất nhanh chóng trong đời sống thực tế và cả trong lý luận. Về nội hàm, kinh tế tri thức phản ánh một trình độ rất cao trong các năng lực phát triển kinh tế của loại người. Đây là trạng thái mới về chất so với các trạng thái phát triển cũ trong lịch sử. Trong nhiều công trình nghiên cứu, một số học giả coi là tổng cộng với và là cơ sở nền tảng của nền văn minh mới của nhân loại. Kinh tế tri thức được xác định chính là cạnh của mô hình cho các nền kinh tế năng phát triển tiếp cận và vượt ngành cách với các nước phát triển nếu biết nắm bắt và tận dụng cơ hội. Ngược lại, kinh tế tri thức cũng tạo ra thách thức lớn hơn bao giờ hết đối với các nước đang phát triển, nơi là nguy cơ tụt hậu, nơi là khoảng cách ngày càng gia tăng về trình độ phát triển so với các nước phát triển. Hiện nay, hầu hết các nước phát triển, nhiều nước đang phát triển và một số nước kém phát triển chấp nhận kinh tế tri thức nhờ một con đường phát triển tại yếu.

Nếu coi nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước nêu lên các mặt trở ngại của nền kinh tế tri

thức dưới các góc độ khác nhau, có thể trình bày ôi những điểm dưới đây:

Công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng rộng rãi và đóng vai trò ngày càng quan trọng.

Trong nền kinh tế tri thức, công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng rộng rãi và theo xu hướng ngày càng sâu vào mọi lĩnh vực. Hầu hết các hoạt động kinh tế - xã hội đều diễn ra trên cơ sở của công nghệ thông tin và truyền thông thông qua mạng thông tin nên tội nếu nước tin học hoá hay số hoá Công nghệ thông tin và truyền thông không chỉ là một lĩnh vực khoa học - công nghệ một ngành kinh tế - kỹ thuật mà trở thành phòng tuyến chủ yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, năng lực quan trọng cho sự phát triển của tất cả các ngành, các lĩnh vực. Xã hội thông tin là tiền đề cho nền kinh tế tri thức. Thông minh nên tội chính phẩm nên tội làm việc từ xa, các văn phòng ảo, các tài chính ảo, chữa bệnh trên mạng (chữa bệnh từ xa), giáo dục từ xa... đang làm thay đổi hết sức sâu sắc cách thức sản xuất kinh doanh, cách thức tổ chức quản lý theo hướng tăng tốc độ năng suất, chất lượng và hiệu quả Mạng Internet làm cho thế giới ngày càng trở nên nhỏ bé Tri thức và thông tin không biên giới làm cho hoạt động kinh tế vượt ra khỏi phạm vi quốc gia và trở thành hoạt động liên kết mang tính toàn cầu. Trong một "xã hội mạng", các hoạt

(*) PGS.TS., Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM.

(**) ThS. Kinh tế - Chính trị

những sản xuất kinh doanh ngay cạnh số nông, nhanh nhậy, quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng trực tiếp hơn, có thể dễ dàng thực hiện sản xuất theo đơn đặt hàng; hình thức tổ chức sản xuất trong lĩnh vực linh hoạt, có nông thôn; số liên kết giữa các doanh nghiệp, giữa sản xuất với cung ứng nguyên liệu, với thị trường tiêu thụ trong chất chế gần gũi hơn. Chi phí giao dịch sẽ giảm đi rất nhiều do thông mại nên tôi coi khả năng kết nối trực tiếp giữa người sản xuất và người tiêu dùng, dẫn đến giảm thiểu nhiều khâu trung gian giữa các bên mua và bán. Kết quả quan trọng nhất của việc phát triển thông mại nên tôi là sẽ hai thập những rào cản và chi phí đi vào thị trường.

APEC đã từng kết rằng internet đã làm cho giao dịch trong ngành sản xuất và tiêu giảm 12-15%, trong ngành xây dựng giảm 7-8%, do chi phí cho việc cung ứng linh kiện từ khắp nơi trên thế giới đã giảm đi đáng kể (chi phí cho vận chuyển hàng giao dịch qua internet giảm đi 10 lần). Thông mại nên tôi đã làm lợi cho nền kinh tế Mỹ hàng nghìn tỷ USD. Tổ chức quản lý qua mạng nên tôi nhanh nhậy hơn, hiệu lực hơn, các quyết định chính xác hơn, thực này phát triển dẫn đến công khai, minh bạch. Chính phủ nên tôi kết hợp với cải cách hành chính sẽ làm tăng công năng và các dụng các quyền và trách nhiệm của người dân sẽ giúp loại bỏ những phiền nhiễu, nạn tham ô hối lộ... Phát triển hình thức học tập từ xa (giáo dục nên tôi)... tạo nên nhiều thuận lợi cho mọi người học tập suốt đời, không ngừng nâng cao kiến thức, kỹ năng; thực này phát triển xã hội học tập. Chấn bệnh từ xa tạo nên nhiều kiến cho mọi người, nhất là từ những nơi xa xôi heo lạnh có thể tiếp cận dễ dàng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng tốt, tiếp

xuất nhữc với các sĩ giỏi, trong nhiều trường hợp cấp cứu khỏi phải đi xa...

Mạng thông tin con người trường rất thuận lợi nên trao đổi các ý tưởng mới, giúp nâng cao năng lực con người, làm môi trường lý tưởng nhất cho phát triển năng lực sáng tạo, thực này phát triển dẫn đến trong xã hội. Mạng thông tin trở thành yếu tố của kết cấu hai tầng quan trọng nhất của nền kinh tế. Nhiều người gọi nền kinh tế tri thức là kinh tế thông tin.

Nền kinh tế tri thức chuyển dịch cơ cấu theo hướng gia tăng nhanh các ngành có giá trị gia tăng cao đưa nhiều vào tri thức.

Nhìn lại các ngành công nghiệp thông tin, công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ đưa vào xử lý thông tin, tài chính ngân hàng, giáo dục đào tạo, nghiên cứu phát triển công nghệ...; mặt khác, do quá trình sản xuất hàng hoá trực tiếp nhữc tôi nông hoá trình nhữc ngay cạnh cao, cho nên số người trực tiếp sản xuất ra sản phẩm trong các nhà máy giảm đi rất nhiều, trong khi số người làm việc ở văn phòng tăng lên, thực chất các văn phòng này là những trung tâm, nếu mọi xử lý phân tích thông tin và biến những thông tin trở thành yếu tố đưa vào của quá trình sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ giá trị gia tăng do công nghệ cao tạo ra trong công nghiệp chế tạo đang tăng nhanh. Hiện nay, ở Mỹ và nhiều nước phát triển, tỷ lệ này đã đạt khoảng 25-30%.

Xem xét cơ cấu kinh tế theo ba khu vực (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) thì xu thế phát triển kinh tế tri thức nhữc thể hiện qua số dịch chuyển cơ cấu theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp và nông nghiệp. Trong mấy thập kỷ qua, cơ cấu của nền kinh tế thế giới đã dịch chuyển như sau (xem *Bảng 1.1*):

Bảng 1.1 Cơ cấu kinh tế trong GDP của toàn cầu⁽¹⁾

| Tỷ lệ trọng của các khu vực trong GDP | 1965 | 1980 | 1999 | 2003 | 2007 |
|---------------------------------------|------|------|------|------|------|
| Tỷ lệ nông nghiệp (%) | 10 | 7 | 5 | 4 | 2 |
| Tỷ lệ công nghiệp (%) | 40 | 37 | 34 | 33 | 26 |
| Tỷ lệ dịch vụ (%) | 50 | 56 | 61 | 63 | 72 |

⁽¹⁾ Nguồn: World Development Report 2003, 2009.

Tri thức khoa học và công nghệ cùng với lao động kỹ năng cao là lực lượng sản xuất trực tiếp và quyết định tiến trình phát triển kinh tế Việt Nam ra khỏi cái vũng lầy năng suất thấp cạnh tranh của nền kinh tế chủ yếu dựa vào sử dụng tri thức môi, công nghệ môi. Hoạt động quan trọng nhất trong nền kinh tế tri thức là việc tiếp nhận, sáng tạo, quảng bá và sử dụng tri thức mới trong tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế xã hội. Giải trí sản xuất mới tạo ra nhiều nhất là tri thức, kể cả trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Khi sử dụng nhiều công nghệ môi, tri thức quản lý môi, một hecta đất nông nghiệp có thể cho giải trí gấp nhiều lần mà không cần tăng chi phí và chất.

Sở phát triển ngay càng dựa nhiều hơn vào tri thức cũng là thể hiện rõ nét ở số gia tăng nhanh của năng suất lao động. Trong nửa thế kỷ qua (1960-2010) năng suất lao động ở Mỹ tăng 5,4 lần, ở Nhật tăng 12,1 lần, ở Nam Mỹ 5,6 lần, ở Hàn Lan 8 lần còn ở Thụy Điển là tăng 8,7 lần. Năng suất lao động tại Mỹ tăng khoảng cao vì tính tại thời điểm 1960 thì nước Mỹ đã coi xuất phát điểm về năng suất lao động cao hơn các quốc gia kể trên, tuy nhiên ở Nhật, Đức, Thụy Điển, Hàn Lan với xuất phát điểm về năng suất lao động thấp hơn thì tiến trình này minh chứng phát triển kinh tế tri thức đã tạo lập một tốc độ tăng năng suất lao động rất cao, vượt kịp và vượt Mỹ hiện tổng Hợp Quốc cho thấy những năm 1985 năng suất lao động mỗi hecta là 23.0 (năm quy đổi) thì năm 2008 là 159,9 năm quy đổi và nước xem nhỏ quốc gia có năng suất lao động tăng cao và vượt những nước phát triển khác⁽²⁾.

Cấu trúc mạng lưới toàn cầu.

Nền kinh tế thế giới hiện nay đang được cấu trúc thành một mạng lưới toàn cầu. "Mạng" là thuật ngữ phân biệt chủ yếu khi so sánh hệ thống này với hệ thống trước. Về bản chất, hệ thống mạng nước cấu trúc "ngang", khác hẳn bản với

nền kinh tế trước đây vẫn nằm trong cấu trúc chuỗi giá trị hình tháp (cấu trúc "dọc"). Đây là cơ sở để nói đến tính "cạnh mạng" hay bóc lột bóc lột của quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức đang diễn ra.

Mạng lưới toàn cầu của nền Kinh tế tri thức nước kiến tạo bởi: Các "chất liệu" phát triển cơ bản khác trước, những công cụ mới, ví dụ máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, các loại vật liệu mới, công nghệ "gen", thông tin liên lạc... Những nhân vật mới, tầng lớp các nhà kỹ sư năng vai trò quyết định, người lao động trí thức, các "siêu" công ty xuyên quốc gia... vẫn đang theo nguyên lý môi. Hệ thống phân công lao động quốc tế toàn cầu thay cho hệ thống phân công lao động quốc gia. Đây là một cấu trúc mới về nguyên tắc. Nội dung theo những quy tắc sản xuất thông tin và tài chính mới trong không gian toàn cầu hóa. NẮC TRỒNG của không gian toàn cầu hóa là thời gian ngắn lại, không gian thu hẹp và các nông nghiệp giới mặt đất. Sở dĩ thay đổi cơ cấu quy định trong nền kinh tế hình thái phát triển dựa trên quan hệ lệ thuộc - cai trị của các nền kinh tế trước đây nước thay thế bằng quan hệ tham dơi - bình đẳng về cách mạng cơ cấu của các thành tố Tuy nhiên, sở dĩ thuận nhất cấu trúc của nền kinh tế tri thức trên phạm vi toàn cầu. Trong mạng lưới kinh tế toàn cầu, vẫn tồn tại những mạng, vùng cấu trúc (khu vực, quốc gia, ngành) có trình độ phát triển thấp xa các mạng, vùng khác. Do nội dung bình đẳng về nguyên tắc của các bộ phận cấu trúc mạng không có nghĩa là sở dĩ bình đẳng trên thực tế giữa chúng tại từng thời điểm xác định và trong những quan hệ xác định.

Ngày nay, một chiếc máy tính hay điện thoại, hay một chiếc xe hơi có thể được lắp ráp tại Trung Quốc, máy trang thiết bị và linh kiện điện tử có thể được chế tạo tại Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ Châu Âu, Nửa công máy tính thì nước lắp ráp tại Việt Nam... Thiết kế của những con chip, trang thiết bị, ... thì xuất phát từ Châu Âu, Mỹ Nhật. Những thành phẩm chế tạo tại Trung Quốc, Việt Nam lại xuất khẩu trở lại các quốc gia trước đây rồi lại chế xuất với các trang thiết bị rồi, linh kiện...

Tốc độ biến đổi rất nhanh của công nghệ trở thành các ngành sản xuất.

⁽²⁾ Nguồn: Báo Lao động Mỹ Phong Thông kê Lao động, 10/2009. (<http://www.bls.gov/fls/#productivity>)

Trong nền kinh tế tri thức, phát minh, chế tạo và sản xuất ra các công nghệ mới trở thành loại hình sản xuất quan trọng nhất. K. Marx đã đề cập: “Phát minh trở thành một nghệ thuật biệt, và nó với nghệ thuật thì việc vận dụng khoa học vào sản xuất trực tiếp tới trở thành một trong những yếu tố cốt lõi nhất quyết định và kích thích”⁽³⁾. Công nghệ mới trở thành nhân tố hàng đầu trong việc tạo ra năng suất, tăng trưởng và việc làm. Do nội các doanh nghiệp sản xuất công nghệ (cũng có thể gọi là doanh nghiệp tri thức) phát triển rất nhanh. Trong các doanh nghiệp nội khoa học và sản xuất nổi bật nhất thế giới không phải biệt phong thí nghiệm với công xưởng, những người làm việc trong nội các công nhân tri thức, họ vừa nghiên cứu vừa sản xuất. Từ thời tận hưởng của các nước đã xuất hiện các khu công nghệ cao tập trung các doanh nghiệp nghiên cứu và sản xuất công nghệ mới. Đây là nơi biến các tri thức mới, các phát minh khoa học thành công nghệ và thành sản phẩm, nơi là những “hạt nhân” của nền kinh tế tri thức.

Khu công nghệ cao đầu tiên trên thế giới và tiêu biểu nhất là thung lũng Silicon ở Mỹ. Nó là cái nôi của công nghệ cao trên thế giới, cái nôi của Internet. Hơn 40% công nghệ cao trên thế giới ngày nay ra đời từ thung lũng Silicon. Nó phát triển rất nhanh, nên nay tại đây đã có hàng ngàn công ty; các công ty hàng đầu thế giới về công nghệ thông tin phần lớn hình thành và phát triển từ thung lũng này. Giá trị sản lượng chi tiêu riêng tại thung lũng Silicon năm 2000 đã lên tới hơn 400 tỷ USD. Có rất nhiều công ty từ những nguồn vốn siêu giàu ban đầu rất ít ỏi, chỉ sau khoảng năm, mỗi năm đã có hàng chục tỷ USD. Công ty Cisco là một ví dụ: thành lập năm 1988, xuất phát từ sáng chế về router của hai vợ chồng nhà giáo sư tại học Stanford, Cisco đã nhanh chóng trở thành công ty hàng đầu về công nghệ mạng, giá trị của công ty năm 1998 (sau 10 năm thành lập) đã lên tới 72 tỷ USD. Thung lũng Silicon phát triển nổi lên một chế độ quyền siêu giàu tại sản tri thức ban đầu có thể phát huy này như tính tích cực sáng tạo của con người. Tại đây, người lao động được mua cổ phiếu với giá rất cao, với một số lợi nhuận nhất định của phần mỗi của công ty,

trong một thời kỳ nhất định. Đến cuối kỳ lợi ích hoặc rủi ro của người lao động được biểu hiện dưới hình thức giá cổ phiếu lên cao hoặc xuống thấp gắn liền với những cố gắng nghiên cứu khoa học của người lao động trong khoảng thời gian này. Ngoài ra, con người biến pháp kích thích nhân tài khác nhờ tham gia cổ phần bằng kỹ thuật, chia sẻ đồng lợi ích theo chức vụ, theo bằng phát minh sáng chế

Nhà tố mại hiểm có xu hướng gia tăng mạnh trong nền kinh tế tri thức.

Do sản xuất công nghệ trở thành ngành sản xuất cơ bản nhất, “sản xuất” ra các ngành khác, nên lợi nhuận nhiều nhất, cho nên trong giai đoạn hiện nay, chính phủ và các nhà doanh nghiệp đều nhiều nước đều rất chú trọng đầu tư cho việc tìm kiếm, phát triển các công nghệ mới và các doanh nghiệp khoa học – công nghệ doanh nghiệp sáng tạo (start-up). Loại hình nhà tố mại kiểu mới này có rất nhiều rủi ro, vì hoạt động nghiên cứu phát triển các sáng chế mới, sản phẩm mới có thể thành công mà cũng có thể thất bại, những chi phí tạo ra và nữa vào ứng dụng một sáng chế có giá trị nó với quá trình nó mới, thì lợi ích do nó đem lại sẽ gặp rất nhiều lần chi phí bỏ ra.

Tạo ra tri thức là rất quan trọng, nhưng việc nữa tri thức nó vào các lĩnh vực của nó sống nữa tạo ra số vốn mới lại càng quan trọng hơn, có nhờ thế thì tri thức mới có thể biến thành giá trị, trở thành nguồn vốn chủ yếu của sản xuất. Nó là quá trình chuyển giao tri thức. Chuyển giao tri thức thông qua nhiều con đường, nhờ đó tạo nên những người đi qua này tạo nên sự sống tri thức trong quá trình hành nghề (bác sĩ chữa bệnh, kỹ sư xây dựng công trình ...), thông mai hoá các sáng chế và các nhà đầu tư siêu giàu công nghiệp khác, v.v.. Thế nhưng các trường đại học, các viện nghiên cứu thông vẫn rất khó khăn về nguồn vốn để biến những ý tưởng sáng tạo, những kết quả nghiên cứu của mình thành sản phẩm; nhiều khi muốn làm ra sản phẩm mẫu cũng không dễ dàng do thiếu vốn đầu tư.

Vốn nhà tố mại hiểm sinh ra chính là để đáp ứng nhu cầu nhanh chóng thông mai hoá các kết quả nghiên cứu khoa học, các ý tưởng mới, do đó nhà tố mại hiểm có vai trò to lớn trong việc nữa nhanh khoa học vào thời kỳ sản xuất kinh doanh; và nhờ vậy, nhà tố mại hiểm cũng

⁽³⁾ C. Marc & Ph. Aghghen. *Toán tập*. t.46, p.2. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.367

lao động lực cho nghiên cứu, sáng tạo, nâng cao năng lực khoa học công nghệ Thông minh hoạt động cách nhanh chóng các hoạt động nghiên cứu và quá trình của các sản phẩm khoa học có khả năng ứng dụng thông minh thông minh thí nghiệm nên thì thông minh. Thông minh, người ta hiểu thông minh hoạt động về công nghệ. Nếu là một sai lầm: những người thuê sáng tạo, các khoa học xã hội cũng có tiềm năng lớn dẫn tới những ngành công nghiệp có lợi nhuận cao.

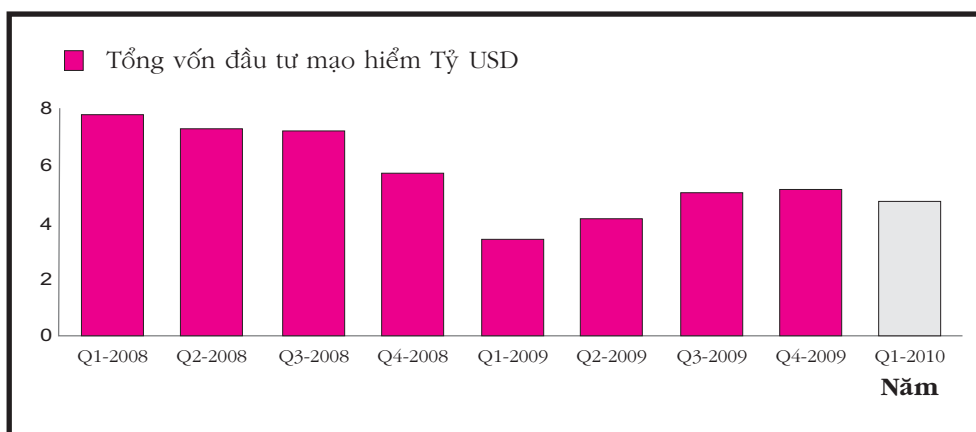
Năm 2001 Scotland đã thu được từ các ngành công nghiệp sáng tạo khoảng 5 tỷ bảng Anh, bằng 4% GDP và đã tạo thêm 100.000 cho là làm việc. Các doanh nghiệp này đã mở ra một làn sóng những năm 70, phát triển mạnh mẽ những năm 90 thế kỷ XX, nên năm 2004, trên toàn thế giới đã có trên 4000 doanh nghiệp này đã mở ra, vốn này đã mở ra toàn thế giới đạt khoảng 50 tỷ USD. Nếu cung cấp các nhà kinh doanh này đã mở ra, Viện này đã mở ra (Venture Capital Institute) ở Atlanta (Mỹ) đã được thành lập năm 1974. Khi thành lập đã kiến vong nội của Viện chỉ khoảng 2 năm, thế nhưng nên nay đã qua 30 năm toàn tài và Viện này đã tạo ra được hơn 4.000 chuyên gia thành công trong lĩnh vực này đã mở ra. Chương trình giảng dạy của Viện nhằm vào tăng cường số liệu biết của người học về toàn bộ quá trình này đã mở ra, chủ yếu trong nhiều nên phòng pháp nhân gia xã hội các yếu tố khi nhìn lương, các tài năng do công nghệ môi gây ra trong khi này đã quyết định này đã mở ra. Chương trình này đã cấp nhất, bổ sung hàng năm, phần ảnh hưởng những thay đổi trong các chiến lược này đã mở ra, nhiều kiến và mọi trường của ngành công nghiệp rất năng động này. Làm được nhờ vậy là nhờ Viện có quan hệ chặt chẽ với những người lãnh đạo Hiệp hội này đã mở ra doanh nghiệp như là Hiệp hội các doanh nghiệp này đã mở ra.

(xem: Hình 1.2)

Nếu tính, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực trong nền kinh tế tri thức thay đổi căn bản.

Nếu phát triển kinh tế tri thức, phải có lực lượng lao động được đào tạo tốt, có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết cho ngành mình làm việc, không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng, thích nghi được với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ để đang chuyển sang những ngành nghề mới. Tăng năng suất

lao động, hiệu quả kinh tế tạo ra giá trị gia tăng mới của nền kinh tế chủ yếu là do nội nhân lực này. Lực lượng công nhân trí thức tăng nhanh, nội là những người làm việc bằng trí óc nên trước tiếp làm ra sản phẩm, nhờ những lập trình viên, những nhà thiết kế công nghệ thiết kế sản phẩm trên máy tính, những người viết khiếm máy mới nội hội có trình độ tri thức nhất định.... Trong các ngành công nghiệp dịch vụ và công nghệ cao, phần lớn những người lao động là công nhân trí thức. Hiện nay, có nhiều nền kinh tế khác nhau về công nhân trí thức. Có một số coi những người làm công tác quản lý những viên chức chính phủ cũng là công nhân trí thức. Hiện nay, ở các nước OECD, công nhân trí thức chiếm khoảng 60-70% lực lượng lao động (tùy theo cách xác định thế nào là công nhân trí thức). Ở các nước Đông Nam Á đang phát triển nhanh như Malaysia, Thái Lan, Philippin, tỷ lệ công nhân trí thức trong tổng số lao động xã hội năm trong khoảng 20 - 25%. Trong quá trình của nền kinh tế tri thức, hệ thống giáo dục truyền thống buộc phải thay đổi, chuyển sang hệ thống học tập suốt đời. Tri thức ngày nay phát triển rất nhanh chóng và cũng trở nên lạc hậu nhanh chóng. Cho dù nhà trường có cố gắng trang bị những kiến thức mới nhất, thì sau khi sinh viên ra trường một vài năm, các kiến thức nội cũng trở nên lạc hậu. Xu hướng này cho thấy sự cần thiết của việc học tập suốt đời. Mọi người làm việc trong nền kinh tế tri thức phải biết cách tiếp cận những thông tin mới nhất mà họ cần cho một nhiệm vụ cụ thể của mình, biết lấy nội ở đâu, biết làm thế nào, và biết cách khai thác, sử dụng các thông tin này để sáng tạo ra những sản phẩm theo mục đích của nền kinh tế. Hệ thống giáo dục mới phải chú trọng bồi dưỡng cho người học năng lực, kỹ năng này. Không ngừng nâng cao trình độ kỹ năng, thích nghi nhạy bén với sự phát triển và thay đổi nhanh chóng của tri thức - nội là yêu cầu cơ bản nhất nội với nguồn nhân lực trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế tri thức. Nền kinh tế tri thức nội hội mọi người phải thông minh học tập, học tập suốt đời, không ngừng nâng cao kỹ năng, phát triển nghề nghiệp liên tục. Chỉ có nhờ vậy mới có thể truy cập, khai thác kho tri thức toàn cầu, sáng tạo ra và vận dụng tri thức mới, biến tri thức thành giá trị. Hiện nay, ở các

Hình 1.2 Tổng vốn đầu tư mạo hiểm của Mỹ giai đoạn 2008 - 2010 ⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ Nguồn : National Venture Capital Association (http://www.nvca.org/index.php?option=com_content&view=article&id=260:vc-investments-q1-2010-moneytree&catid=131&Itemid=528)

nổi phát triển, tỷ lệ người lao động tham gia chế độ học tập thông xuyên thủng đạt tỷ lệ khoảng 35 - 40%.

Mọi người học suốt đời, không ngừng phát triển tri thức, nâng cao kỹ năng, phát triển sức sáng tạo, thích nghi với sự phát triển, thực tiễn mới. Xã hội học tập là nền tảng của kinh tế tri thức. Với sự bùng nổ thông tin và liên tục đổi mới công nghệ mới tri thức, mô hình giáo dục truyền thống (học tập xong rồi ra làm việc) không còn phù hợp nữa, mà phải chuyển sang mô hình học tập suốt đời: học tập cô bản, ra làm việc và tiếp tục học tập, vừa học vừa làm việc. Hệ thống giáo dục trong nền kinh tế tri thức phải đảm bảo cho mọi người bắt đầu lúc nào, bắt đầu ở đâu cũng có thể học tập được. Mạng thông tin công nghệ rất quan trọng cho việc học tập suốt đời. Nếu tổ chức giáo dục và cho khoa học chiếm tỷ lệ rất cao - nói chung nếu tổ chức hình cao hơn nếu tổ chức hữu hình. Phát triển con người trở thành nhiệm vụ trung tâm của xã hội.

Nhờ có mạng Internet, hình thức giáo dục từ xa qua mạng (e-learning) rất phát triển. Hiện nay, hầu hết các trường đại học trên thế giới đều có hệ thống e-learning, có trường đã áp dụng e-learning cho toàn trường, từ lúc tuyển sinh đến khi tốt nghiệp, sinh viên không phải đến trường. E-learning phát triển, tạo nhiều kiến cho

việc môi trường học tập thông xuyên, suốt đời, mọi người bắt đầu ở đâu, lúc nào cũng có thể học tập nâng cao kiến thức, kỹ năng. Số người học tập, học tập và học tập càng ngày càng tăng ngay trên mạng ngày một nhiều. Không ít trong số họ chờ đợi người thuê phòng sử dụng Internet nhà và sẽ trở thành nhà văn, nhà xuất bản, nhà báo... Những thông tin trên mạng đã trở thành "không khí", "bầu khí quyển" trong nhiều trường đại học - cho cả người dạy và người học. Chính phủ Mỹ hiện nay tập trung đầu tư chủ yếu vào lĩnh vực giáo dục dựa vào mạng Internet, coi đó là cơ sở cho một nền giáo dục công nghệ cao. Hiện nay hầu hết các trường học ở Mỹ đã có mạng và sử dụng mạng. Người học có thể ghi tên mình vào các khóa học, chương trình, giờ học thích hợp trên mạng không lệ thuộc vào vị trí địa lý tuổi tác... Học có thể nâng kỹ năng riêng các giáo sư qua nhà chuyên môn trên mạng; có thể tiếp cận những kho tàng tài liệu giáo dục, nâng kỹ năng sách vở các thư viện ở cách xa nơi mình đang sống. Nếu đạt được những mục tiêu giáo dục nhờ trên ngoài việc này ra những chiến lược giáo dục phù hợp với mình, thì một nền học tập thiếu học là chính phủ những nước này không ngừng gia tăng chi phí cho giáo dục tính cả trên tay trong ngân sách và bình quân đầu người. Bảng 1.3 dưới đây

Bảng 1.3 Tỷ trọng chi tiêu cho giáo dục mỗi quốc gia năm 2007⁽⁵⁾

| Tên quốc gia | Tỷ trọng chi phí cho giáo dục | |
|--------------|-------------------------------|----------------------|
| | % GDP | % Chi tiêu Chính Phủ |
| Nhật Bản | 3,5 | 9,5 |
| Singapore | 2,9 | 15,3 |
| Thái Lan | 3,9 | 20,9 |
| Pháp | 5,6 | 10,6 |
| Đức | 4,4 | 9,7 |
| Phần Lan | 6,1 | 12,6 |
| Đan Mạch | 8,3 | 15,5 |
| Hà Lan | 5,6 | 12,0 |
| Mỹ | 5,7 | 14,8 |

thời của loại người chời không phải là thế giới tối nhiên. Nếu nền kinh tế Việt Nam phát triển một cách bền vững, nhất thiết phải có chiến lược phát triển kinh tế tri thức một cách toàn diện trong thời gian tới và việc nhân diện những nãc trồng cơ bản của nền kinh tế tri thức cũng là sỡ cần thiết. Những nãc trồng nõi bao gồm những nết chui yếu sau: Công nghệ cao, công nghệ thông tin và truyền thông nõi ồng đung rộng rãi và nõi ồng vai trò nãc biệt quan trọng; Nền kinh tế tri thức chuyển dịch cơ

cho ta thấy chi tiêu giáo dục ở mỗi quốc gia. (xem: Bảng 1.3)

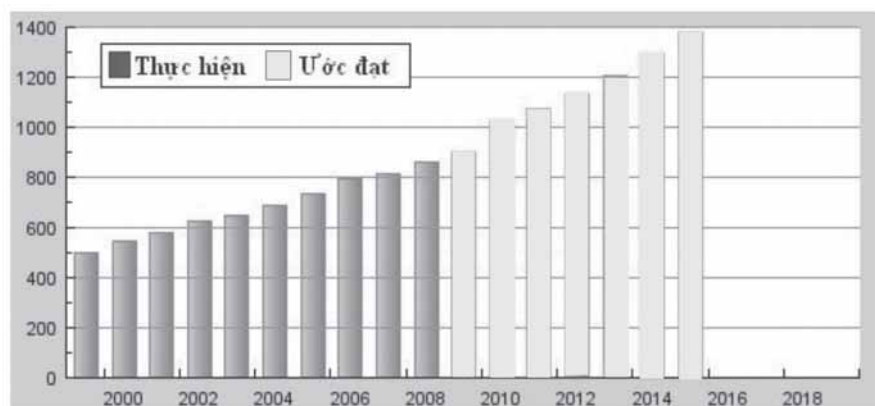
Tỷ trọng chi tiêu cho giáo dục ở mỗi quốc gia thể hiện mức nỗ lực của chính phủ cho giáo dục tuy nhiên còn so sánh qua nãc nãc người quy nõi theo ngang giá sức mua (PPP) mỗi nãc nãc quốc tế chất mức nãc chi tiêu cho giáo dục mà mỗi quốc gia nãc nãc. Tuy nhiên hình 1.4 dưới đây cho thấy mức nỗ lực của giáo dục không ngừng tăng cao của Mỹ (quốc gia có trình độ giáo dục và nền kinh tế tri thức phát triển).

(xem: Hình 1.4)

Tóm lại, kinh tế tri thức là một nãc thang phát triển cao của nền kinh tế với nãc nãc trong nền kinh tế nãc giáo dục làm ra chui yếu xuất phát từ tri

cấu theo hướng gia tăng nhanh các ngành có giá trị gia tăng cao đòi hỏi vốn tri thức; Tri thức khoa học và công nghệ cùng với lao động kỹ năng cao là lực lượng sản xuất trực tiếp và quyết định....

Hình 1.4 Chi phí giáo dục của Mỹ giai đoạn 1990 - 2009⁽⁶⁾



⁽⁵⁾ Nguồn: Global education digest, 2009.(www.oecd.org/els/education/ei/eag/)

⁽⁶⁾ Nguồn: Chi tiêu của chính phủ Mỹ 2008 (http://www.usgovernmentsspending.com/year2008_US.html)